

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DSST

Ngày: 29/9/2022

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Thu.
2. Ông Hoàng Văn Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2022/TLST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2022/QĐST-DS ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP SC (SC); Địa chỉ: Số 266-268, đường NKKN, phường 8, quận 3, TP.HCM; Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức TD – Tổng giám đốc. Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H – Giám đốc Ngân hàng TMCP SC chi nhánh Quảng Bình; Địa chỉ: Số 5 Quang Trung, TP. ĐH, tỉnh QB. Người được ủy quyền lại: Ông Trương Xuân T – Phó phòng kiểm soát rủi ro - Ngân hàng TMCP SC chi nhánh Quảng Bình. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm: 1977; Địa chỉ: số 59 đường TTT, TDP 1, phường ĐP, TP. ĐH, tỉnh QB, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP SC trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng cũng như tại phiên tòa trình bày:

Ngày 14/12/ 2021, ông S có ký kết với ngân hàng TMCP SC, chi nhánh Quảng Bình, Hợp đồng tín dụng số 536 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng

kiêm Hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng số 536). Căn cứ vào thu nhập của ông S tại thời điểm vay đang công tác tại Công an tỉnh Quảng Bình, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 80.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 10/01/2022 đến hạn trả nợ hàng tháng nhưng ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng. Từ lúc được cấp thẻ tín dụng cho đến nay ông S chỉ thanh toán được 1.300.000 đồng nợ gốc và lãi (thanh toán ngày 16/02/2022) nên đã vi phạm Hợp đồng qui định tại Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, vì vậy ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông S và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù SC đã nhiều lần yêu cầu ông S có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông S vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, SC đề nghị giải quyết, buộc ông Trần Văn S phải trả cho SC tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2022 là 107.070.423 đồng. Yêu cầu ông Trần Văn S phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 536 ngày 14/12/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ gốc và nợ lãi.

\* Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập đến tòa án nhưng bị đơn không đến Tòa án theo thời gian quy định. Vì vậy tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng không tiến hành giao nhận được (có lập biên bản), hiện nay theo cung cấp của nguyên đơn tại Biên bản xác minh ngày 29/8/2022 có nội dung ông Trần Văn S có hộ khẩu cư trú tại TDP1, phường Đồng Phú. Tòa án đã niêm yết các quyết định và giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại địa chỉ cư trú của bị đơn theo khai báo trong Hợp đồng, nhưng ông S không có mặt nên không có ý kiến. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng”, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng và ông Trần Văn S là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết và nơi có địa

chỉ thường trú và nơi công tác của bị đơn tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS

[1.2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đến Tòa án làm bản tự khai. Sau đó, Tòa án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt còn bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ. Nguyên đơn có đơn đề nghị chấm dứt hoà giải do bị đơn cố tình không đến và không hợp tác. Tòa án lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự

Do đó, ngày 12/9/2022 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 144/2022/QĐXXST-DS ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Ông Trần Văn S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2022/QĐST-DS ngày 12/9/2022 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 29/9/2022 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 BLTTDS. Nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên HĐXX căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông S.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được năm 2021, ông Trần Văn S đang là cán bộ Công an tỉnh Quảng Bình đã ký với Ngân hàng TMCP SC chi nhánh tỉnh Quảng Bình Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 536 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Với tổng hạn mức cho vay là: 80.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng, lãi suất tại thời điểm vay là 31,2%/năm. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] . Quá trình thực hiện hợp đồng ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng chi tiết lịch sử các khoản vay do Ngân hàng TMCP SC chi nhánh tỉnh Quảng Bình cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng ông S đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng, ngày 10/01/2022 đã để phát sinh nợ quá hạn. Hiện nay ông S đã không còn công tác tại đơn vị Công an tỉnh Quảng Bình nên nghĩa vụ trả nợ của ông S thông qua trích trừ lương, thấu chi không được đảm bảo. Hiện nay khoản nợ đã chuyển qua nợ quá hạn, ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp cũng như tạo

điều kiện để ông S tìm mọi khả năng thanh toán nợ nhưng ông S vẫn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Sau đó phía Ngân hàng cũng đã dùng nhiều biện pháp để tiếp cận cũng như tìm hiểu thông tin của bị đơn nhưng không có thông tin. Như vậy, ông S đã vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi.

Theo yêu cầu của nguyên đơn thì tính đến hết ngày xét xử ngày 29/9/2022, số tiền ông S phải trả cho SC là 108.370.423 đồng (trong đó, tiền gốc: 79.428.400đ, tiền lãi trong hạn: 1.785.453đ, tiền lãi quá hạn: 27.156.570đ) nhưng ông đã trả được 1.300.000đ, số tiền cần buộc ông S phải trả tính đến hết ngày xét xử là 107.070.423đ. Như vậy, cần buộc ông S tìm mọi nguồn thu để trả nợ cho ngân hàng số tiền nói trên và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết số nợ.

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 463, 466 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SC (SC).

1.1. Buộc ông Trần Văn S phải trả cho Ngân hàng TMCP SC số tiền tính đến hết ngày 29/9/2022 là 107.070.423 đồng.

1.2. Từ ngày 30/9/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng ông Trần Văn S còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 536 (bao gồm Giấy đề

ngiht cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

## 2. Án phí:

2.1. Bị đơn ông Trần Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.353.000 đồng.

2.2. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SC không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 2.481.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 31AA/2021/0001275 ngày 11/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Hoàng Thị Thanh Nhàn**





